

## BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
5 năm 2016-2020; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2021-2025**

### Phần 1

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH 5 NĂM 2016-2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Đất nước ngày càng hội nhập sâu và toàn diện theo hướng tích cực, chủ động, tạo ra cơ hội và môi trường mới cho hợp tác phát triển. Những thành tựu quan trọng sau 30 năm lập lại tỉnh đã tạo tiền đề, cơ sở để tỉnh tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, do tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng bất lợi đến quá trình phát triển của đất nước và của tỉnh; sự cố ô nhiễm môi trường biển, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19,... tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân cũng như kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã đề ra tại Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh; sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt, hiệu quả của UBND tỉnh; sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương; sự nỗ lực to lớn của cả hệ thống chính trị, của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; phát huy truyền thống đoàn kết, nêu cao ý chí tự lực, tự cường; quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách; tỉnh Quảng Trị đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

## I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,45%/năm (mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7,5-8%).

- Cơ cấu kinh tế năm 2020: nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,92%, phi nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 78,08% (mục tiêu đến năm 2020 nông, lâm nghiệp và thủy sản là 18,5% và phi nông lâm nghiệp và thủy sản là 81,5%).

- GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 53,2 triệu đồng, gấp 1,5 lần so với năm 2015 (mục tiêu đến năm 2020 gấp 2 lần năm 2015).

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 5 năm 2016 - 2020 đạt 14.348 tỷ đồng, thu nội địa bình quân hàng năm tăng 15,7% (mục tiêu là 5 năm là 18.000-19.000 tỷ đồng, tốc độ tăng thu nội địa bình quân hàng năm đạt 15%)

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện 5 năm 2016-2020 đạt 70.869 tỷ đồng (mục tiêu là 5 năm 2016-2020 đạt trên 100.000 tỷ đồng).

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới năm 2020 là 56,4% (mục tiêu đến năm 2020 là 40-50%).

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 5 năm 2016-2020 là 1,68% (mục tiêu là 1,5 - 2,0%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 65,88%, có bằng cấp chứng chỉ là 31% (mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 -70%, lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 28%).

- Tạo việc làm mới trong 5 năm cho 58.815 lao động; bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho 11.763 lao động (mục tiêu 5 năm là tạo việc làm mới cho 47.500 lao động; bình quân mỗi năm 9.500 lao động).

- Đến năm 2020, tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%<sup>1</sup>, (mục tiêu đến năm 2020 đạt 90%).

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh ở thành thị năm 2020 đạt 95% (mục tiêu là 95%); Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn là 90,8% (mục tiêu là 93%).

## **2. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phá**

### **2.1. Các vùng, hành lang, khu kinh tế**

- *Đối với KKT Đông Nam Quảng Trị*, đã tích cực triển khai thực hiện một số dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư<sup>2</sup>; trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ nguồn lực và cơ chế đặc thù<sup>3</sup>; đẩy mạnh xúc tiến, vận động đầu tư để sớm triển khai thực hiện các dự án động lực<sup>4</sup>.

- *Đối với Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo và Cửa khẩu quốc tế La Lay*, đã cơ bản hoàn thành, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

<sup>1</sup> Trong đó: năm 2016: 86,31%; năm 2017: 90,81%; năm 2018: 93,4%; năm 2019: 93,8%; năm 2020: 96%.

<sup>2</sup> Đã triển khai Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ tái định cư huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng thuộc KKT Đông Nam Quảng Trị; Dự án Đường nối KKT Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt; dự án Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào Khu tái định cư xã Hải Khê (giai đoạn 1); dự án Khu tái định cư Hải An và đường giao thông dọc khu kinh tế (giai đoạn 1)...

<sup>3</sup> Xin bổ sung KKT Đông Nam Quảng Trị vào nhóm các Khu kinh tế ven biển trọng điểm tập trung đầu tư từ nguồn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 và xin cơ chế đặc thù áp dụng cho KKT Đông Nam.

<sup>4</sup> Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1, Dự án nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí từ mỏ Báo Vàng, Dự án xây dựng Khu bến cảng biển Mỹ Thủy, Hệ thống cấp nước, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore (VSIP8),...

- Việc tập trung đầu tư xây dựng và phát triển trục kinh tế kết nối Khu kinh tế Đông - Nam với Hành lang Kinh tế Đông - Tây, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu kinh tế cửa khẩu La Lay, Khu du lịch biển Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ được tỉnh chú trọng triển khai thực hiện. Nhiều công trình giao thông quan trọng kết nối các trọng điểm kinh tế của tỉnh đã được đầu tư hoặc bổ sung vào quy hoạch để triển khai thực hiện trong thời gian tới<sup>5</sup>.

## 2.2. Các đề án trọng điểm

- Nhiệm vụ đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 được triển khai và đạt kết quả tích cực. Sản xuất nông nghiệp chuyên đổi đã từng bước phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng<sup>6</sup>. Chăn nuôi phát triển đúng định hướng; thủy sản được chú trọng khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới thực hiện vượt kế hoạch đề ra, một số xã trở thành nông thôn kiểu mẫu, huyện Cam Lộ trở thành huyện nông thôn mới đầu tiên của tỉnh và của khu vực Bình Trị Thiên.

- Nhiệm vụ nâng cấp thành phố Đông Hà lên đô thị loại II được quan tâm chỉ đạo thực hiện với những bước đột phá, từ công tác quy hoạch, quản lý đô thị và phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan đến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chỉnh trang đô thị. Đã quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng, phát triển một số khu đô thị mới<sup>7</sup>; nhiều công trình giao thông, đô thị<sup>8</sup> và một số hạ tầng thiết yếu như hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải<sup>9</sup> đáp ứng nhu cầu phát triển của trung tâm tỉnh lỵ cũng như nâng cao đời sống, sinh hoạt của người dân.

- Việc xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế hộ, liên kết với các doanh nghiệp để phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân đã được các cấp, các ngành và địa phương đặc biệt quan tâm thực hiện. Đã có nhiều mô hình phát huy hiệu quả<sup>10</sup>, mở ra hướng phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

<sup>5</sup> Dự án Nâng cấp và mở rộng cảng Cửa Việt, Nâng cấp Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đi cảng Cửa Việt, Tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Quảng Trị (bao gồm cầu Thành Cổ và đường dẫn hai đầu cầu), Đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn, Đường tránh Quốc lộ 1 phía Đông thành phố Đông Hà và Đường Hùng Vương nối dài (giai đoạn 3).

<sup>6</sup> Giá trị sản phẩm thu được/1ha đất trồng trọt năm 2016 là 54,6 triệu đồng, tăng 2,9 triệu đồng/1ha so năm 2015 (năm 2015 là 51,7 triệu đồng).

<sup>7</sup> Hoàn thiện CSHT Khu đô thị Nam Đông Hà (giai đoạn 2); Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn 1; Xây dựng CSHT khu vực Bắc sông Hiếu... Đồng thời, triển khai quy hoạch chi tiết một số khu đô thị khác như: Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà và Khu đô thị Nam sông Hiếu.

<sup>8</sup> Xử lý các nút giao thông nguy hiểm, tạo cảnh quan đô thị Đông Hà; cầu chui đường sắt đường Nguyễn Bình Khiêm; Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây TP. Đông Hà; Đường nối QL1A với Cầu Đại Lộc; Đường Khóa Bào...

<sup>9</sup> Đã lắp đặt nhiều cụm đèn tín hiệu giao thông như: Điện Biên Phủ - Lê Duẩn, Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt, Điện Biên Phủ - Hùng Vương, Hùng Vương - Tôn Thất Thuyết; Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố với một số công trình chính như: kè hồ Đại An, hồ Nguyễn Huệ, Hồ Khe Sắn và hệ thống thoát nước chính, mạng lưới cấp 3, trạm xử lý nước thải...

### **2.3. Các ngành, lĩnh vực đột phá**

- *Việc phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế* đã được chú trọng và đạt nhiều kết quả khả quan<sup>11</sup>. Chế biến thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Nhiều dự án điện năng được đầu tư xây dựng, nâng tổng công suất phát điện lên đến 277,6MW, tăng gấp 2,8 lần so với giai đoạn trước<sup>12</sup>, đồng thời có thêm nhiều dự án chuẩn bị triển khai hoặc được bổ sung vào quy hoạch, mở ra triển vọng đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung.

- *Phát triển các ngành kinh tế biển*: Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 36 NQ/TW ngày 22/10/2018 của Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các ngành kinh tế biển được chú trọng phát triển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo. Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản có nhiều chuyển biến, đội tàu đánh bắt xa bờ phát triển nhanh với 203 chiếc tàu công suất trên 90CV. Hệ thống dịch vụ kho cảng phát triển khá<sup>13</sup>. Tích cực tranh thủ các nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trong vùng và quảng bá xúc tiến đầu tư du lịch<sup>14</sup>.

Tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, trong giai đoạn 2016-2020 tỉnh đã đầu tư 997,675 tỷ đồng để từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thu hút nhà đầu tư. Đến nay Khu kinh tế Đông Nam có 43 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 83.959 tỷ đồng, diện tích thuê đất 1.631ha, trong đó 14 dự án đã đi vào hoạt động, 29 dự án đang hoàn thiện các thủ tục về xây dựng và đất đai.

### **2.4. Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm**

Các công trình trọng điểm cần tập trung ưu tiên trong giai đoạn 2016-2020 đã được tỉnh tích cực vận động, tìm kiếm nguồn vốn để tổ chức thực hiện, trong đó, có một số dự án đã đầu tư hoàn thành<sup>15</sup>; Nhiều dự án đã Chính phủ đồng ý

<sup>11</sup>Về dệt may, đã có thêm 09 dự án đăng ký đầu tư với tổng vốn 678 tỷ đồng, trong đó có 05 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư 511 tỷ đồng; 04 dự án đang triển khai xây dựng với tổng vốn đầu tư là 172 tỷ đồng góp phần tăng thu ngân sách và giải quyết hàng ngàn việc làm cho lao động địa phương. Ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển mạnh với khoảng 120 doanh nghiệp, cơ sở đang hoạt động, chủ yếu là gỗ MDF, ván ghép thanh, mộc mỹ nghệ, viên nén năng lượng và dăm gỗ.

<sup>12</sup>Các dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động: Thủy điện Đakrông 1 công suất 12MW, Thủy điện Khe Nghi công suất 8MW, Thủy điện Khe Giông công suất 4,5MW, Nhà máy điện gió Hướng Linh 1 công suất 30MW, Nhà máy điện gió Hướng Linh 2 công suất 30MW, Nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị công suất 49,5MW, Thủy điện Đakrông 4 với công suất 28MW, Thủy điện La Tó công suất 15,6MW, Nhà máy điện mặt trời Gio Thành 1 công suất 50MW...

<sup>13</sup> Kho cảng xăng dầu Cửa Việt với quy mô Kho xăng dầu dung tích 40.000m<sup>3</sup>, bến cảng chuyên dùng 40.000DTM đã đi vào hoạt động; Kho xăng dầu Hải Hà với quy mô tổng dung tích kho chứa 30.200m<sup>3</sup>, cầu cảng xuất nhập khẩu xăng dầu 3.000DWT đang xây dựng;

<sup>14</sup> Bên cạnh đó, tỉnh đang tranh thủ nguồn vốn từ ADB để đầu tư dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng - giai đoạn II với tổng mức đầu tư trên 11 triệu USD

<sup>15</sup> Cầu sông Hiếu, cầu Cam Hiếu, cầu Thành Cổ, nâng cấp Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1A đi cảng Cửa Việt, đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, cầu Quy Thiện và đoạn còn lại của đường Xuân - Quy - Vinh, Đường giao thông biên giới từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Linh xã A Vao; cơ sở hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay, nhà máy gỗ ván MDF tại KCN Quán

bổ sung vào quy hoạch quốc gia<sup>16</sup>. Đồng thời, tiếp tục chuẩn bị đầu tư và tìm kiếm các nguồn vốn để sớm đầu tư thực hiện các dự án có ý nghĩa chiến lược, tạo đột phá cho giai đoạn tiếp theo, trong đó có Cảng hàng không Quảng Trị, Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay với cảng Mỹ Thủy,...

*Về xây dựng và phát triển các khu kinh tế:* Thực hiện Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến nay đã triển khai thực hiện một số công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu ban đầu, tạo điều kiện kêu gọi, thu hút và triển khai các dự án đầu tư<sup>17</sup>.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Về phát triển kinh tế**

#### ***1.1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới***

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng kể; giá trị toàn ngành tăng bình quân gần 3,82%/năm, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được chú trọng; nhiều biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp và canh tác mới được áp dụng mang lại hiệu quả. Đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung, các vùng sản xuất lúa chất lượng cao<sup>18</sup>, các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đạt 27,5 vạn tấn/năm<sup>19</sup> (vượt 2,5-3 vạn tấn so với kế hoạch).

Chăn nuôi chuyển mạnh sang hình thức trang trại, gia trại, thâm canh bán công nghiệp gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, liên kết theo chuỗi giá trị. Lâm nghiệp từng bước phát huy lợi thế; trồng rừng kinh tế, nhất là trồng rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC phát triển mạnh, thuộc nhóm đầu

Ngang, cầu cảng số 3 cảng Cửa Việt, điện gió Hướng Linh 2, thủy điện Khe Giông, thủy điện Khe Nghi, nhà máy may Gio Linh,...

<sup>16</sup> Cảng hàng không Quảng Trị vào quy hoạch quốc gia, bổ sung đoạn từ Quốc lộ 1 đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn vào dự án Đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn, bổ sung Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay với cảng Mỹ Thủy vào quy hoạch phát triển GTVT đường bộ, rà phá bom mìn phục vụ dự án VSIP8,...

<sup>17</sup> Tập trung mọi nỗ lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện 2 dự án trọng điểm là Cảng biển Mỹ Thủy và Nhà máy nhiệt điện than 1.320 MW; Dự án vận chuyển, sản xuất và sử dụng khí từ mỏ Bảo Vàng của Tập đoàn Gazprom (CHLB Nga); Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Dự án đầu tư CSHT Khu Công nghiệp của Công ty TNHH C&N Vina (Hàn Quốc); Dự án VSIP 8,...

<sup>18</sup> Diện tích lúa chất lượng năm 2020 đạt 39.000 ha, tăng 19.000-21.000 ha so với Nghị quyết (Đạt 195-216,6% so với Nghị quyết, Mục tiêu nghị quyết đến năm 2020 có 18.000-20.000 ha lúa chất lượng cao). Cây cao su: Diện tích năm 2020: 19.045,9 ha, đạt 90,7% mục tiêu Nghị quyết (KH 21.000-22.000); Cây cà phê: Diện tích năm 2020: 4.433,05 ha, đạt 83,6% MTNQ (KH 5.300-5.500); Cây hồ tiêu: Diện tích năm 2020: 2.526,79 ha (Đạt 101,1% KH), Cây sắn: Năm 2020: 12.010,7 ha, đạt 100% so với kế hoạch đề ra (KH ổn định diện tích 12.000ha).

<sup>19</sup> Trong đó: 2016: 27,5 vạn tấn (vượt 2,5 vạn tấn), 2017: 25,7 vạn tấn (vượt 0,7 vạn tấn); năm 2018 đạt 28,9 vạn tấn (vượt 3,9 vạn tấn); năm 2019 đạt 28,5 vạn tấn (vượt 3,5 vạn tấn). Năm 2020, đạt 28,95 vạn tấn (vượt 3,95 vạn tấn).

cả nước<sup>20</sup>; độ che phủ rừng năm 2020 đạt 50,1%, vượt chỉ tiêu đề ra<sup>21</sup>. Tổng sản lượng thủy hải sản năm 2020 đạt 37.129 tấn, tăng bình quân hàng năm 1,1%.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, quyết liệt, đạt được những kết quả nổi bật. Trong giai đoạn 2016-2020 đã huy động được 47.374,227 tỷ đồng để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đến năm 2020, toàn tỉnh đã có 57/101 (56,4%) xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt mục tiêu đề ra, trong đó có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

## **1.2. Về công nghiệp - xây dựng**

Sản xuất công nghiệp đã có bước chuyển biến tích cực, thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhiều dự án công nghiệp đã hoàn thành, đưa vào hoạt động<sup>22</sup>. Một số sản phẩm công nghiệp duy trì được sức cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ổn định, có mức tăng trưởng khá<sup>23</sup>. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng bình quân 11,42%/năm<sup>24</sup>.

Đã phát triển được một số ngành công nghiệp có thế mạnh như: dệt may, chế biến gỗ, chế biến thủy sản, năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo<sup>25</sup>. Kết cấu hạ tầng tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng. Trong 5 năm 2016-2020 đã thu hút 70 dự án đầu tư vào các KCN, KKT với tổng vốn đăng ký đầu tư là 88.983 tỷ đồng, diện tích thuê đất là 1.738ha đóng góp vào ngân sách nhà nước 1.654,44 tỷ đồng, tạo việc làm cho 6.500 lao động.

Lĩnh vực xây dựng chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả. Đã phủ kín quy hoạch chung xây dựng là 100%; phủ kín quy hoạch phân khu là 90% và quy hoạch chi tiết đạt 37%. Các chương trình, đề án quy hoạch chung xây dựng các khu kinh tế, khu đô thị được triển khai<sup>26</sup>, góp phần nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch đô thị, nông thôn, và nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng.

<sup>20</sup> Năm 2015 toàn tỉnh chỉ có 9.589 ha rừng có chứng chỉ FSC, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã có 23.429 ha rừng có chứng chỉ FSC, tăng 144% so với năm 2015. Rừng có chứng chỉ có giá bán cao hơn so với không có chứng chỉ trong cùng một thời điểm từ 15% đến 18%.

<sup>21</sup> Toàn tỉnh có tổng diện tích tự nhiên 473.743,4 ha. Diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng là 293.801,7 ha, trong đó diện tích đất có rừng 252.966,6ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 50,1%/ kế hoạch 49,5%.

<sup>22</sup> Như: nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị, nhà máy xi măng Bim Sơn, nhà máy tinh bột sắn An Thái, nhà máy phân bón Bình Điền, sản xuất gạch không nung,...

<sup>23</sup> Quần áo may sẵn tăng bình quân hàng năm 37,88%; điện sản xuất tăng 28,51%; ván ép tăng 22,49%; dăm gỗ tăng 19,44%; lốp xe máy tăng 18,19%; sắn xe máy tăng 13,42%; nước hoa quả tăng 10,90%; phân bón tăng 5,98%....

<sup>24</sup> Trong đó: ngành khai khoáng 4,47%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,48%, ngành sản xuất phân phối điện tăng 19,94%, ngành cung cấp nước, quản lý, thu gom và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,21%,...

<sup>25</sup> Nhiều dự án năng lượng tái tạo được đầu tư với tổng công suất phát điện lên đến 377MW, tăng gấp 3,7 lần so với đầu nhiệm kỳ.

<sup>26</sup> Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2021, định hướng đến năm 2025; Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và các Đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hướng Phùng, La Vang, Bô Bán.

### **1.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch**

Thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng khá sôi động. Hạ tầng thương mại, chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao<sup>27</sup>; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm 10,07%; thương mại điện tử phát triển khá. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được triển khai thực hiện có hiệu quả. Chỉ số giá tiêu dùng cơ bản được kiểm soát ở mức cho phép (dưới 4%).

Doanh thu vận tải năm 2020 là 1.818,7 tỷ đồng, tăng 60,9% so với năm 2016, bình quân hàng năm tăng 9,97%. Khối lượng hành khách vận chuyển tăng bình quân hàng năm 3,016%, năm 2020 đạt 7.040 nghìn người; Khối lượng hàng hoá vận chuyển thực hiện năm 2020 10.487 nghìn tấn, tăng 23,5% so với năm 2016 và tăng bình quân hàng năm 5,27%.

Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 đạt 1.339 triệu USD, vượt 15,41% kế hoạch; kim ngạch nhập khẩu đạt 949 triệu USD, giảm 26,43% so với kế hoạch, tốc độ tăng bình quân hàng năm là - 0,78%/năm.

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch đã có nhiều đổi mới, đa dạng về phương thức và nội dung thực hiện, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân<sup>28</sup>.

### **1.4. Tài chính - ngân hàng, thu chi ngân sách**

Công tác quản lý, điều hành ngân sách có nhiều đổi mới, chặt chẽ, đúng quy định, an toàn, chủ động; kết quả thu ngân sách hàng năm đều vượt dự toán HĐND tỉnh đề ra. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 5 năm 2016-2020 đạt 14.348 tỷ đồng, thu nội địa bình quân hàng năm tăng 15,7%. Chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chế độ, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Hệ thống Ngân hàng đã tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các chương trình tín dụng của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương, nhất là về hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển sản xuất, kinh doanh. Các chỉ tiêu hoạt động đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, tăng trưởng tín dụng đạt khá, bình quân hàng năm 16,72%<sup>29</sup>, đạt số tuyệt đối 36.678 tỷ đồng và tăng 1,69 lần so với dư nợ cuối năm 2015, đạt 132,69% so với kế hoạch.

<sup>27</sup> Cơ sở hạ tầng thương mại có bước phát triển nhất định, hệ thống chợ tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng, nhiều siêu thị, cửa hàng cửa hiệu vẫn minh hiện đại ra đời. Tính đến nay trên địa bàn có 78 chợ (trên tổng số 108 chợ được quy hoạch), trong đó có 39 chợ kiên cố, 28 chợ bán kiên cố và 08 chợ tạm và 03 chợ đang được xây dựng. Về siêu thị, có 03 siêu thị tổng hợp, 02 siêu thị chuyên kinh doanh hàng Lào Thái, 12 siêu thị điện máy, 13 siêu thị mini kinh doanh tổng hợp và trên 20 điểm đặt máy bán hàng tự động. Về hệ thống cửa hàng xăng hiện có 119 cửa hàng bán lẻ xăng dầu đang hoạt động (có 12 CH loại I, 14 CH loại II và 93 CH loại III).

<sup>28</sup> Tổng lượng khách du lịch đến Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 đạt 7.284 triệu người, đạt 80,36% kế hoạch. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và 12 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa; 196 cơ sở lưu trú với hơn 3.227 buồng, 5.597 giường đủ điều kiện phục vụ khách du lịch.

### ***1.5. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển khá***

- Công tác xúc tiến, vận động, thu hút đầu tư và tạo lập môi trường đầu tư được quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Môi trường đầu tư được cải thiện đáng kể; chỉ số PCI của tỉnh đã tăng điểm qua từng năm (từ 57,62 điểm năm 2016 thuộc nhóm tương đối thấp lên 63,07 điểm năm 2020 thuộc nhóm Trung bình); chỉ số PAPI và chỉ số cải cách hành chính luôn thuộc nhóm đầu của cả nước.

Huy động các nguồn vốn đầu tư được đẩy mạnh theo hướng xã hội hóa; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện đạt 70.869 tỷ đồng, mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng đã tăng 1,54 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Số dự án được cấp phép đầu tư tăng gấp 2,2 lần và tổng vốn đăng ký đầu tư tăng gấp 4,46 lần so với nhiệm kỳ trước.

- Phát triển doanh nghiệp được quan tâm, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; định kỳ tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp; rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục đối với doanh nghiệp<sup>29</sup>. Công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được thực hiện cơ bản đúng lộ trình<sup>30</sup>. Khu vực kinh tế tập thể có sự chuyển biến tích cực<sup>31</sup>.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới. Nhiều công trình giao thông quan trọng đã được cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới<sup>32</sup>. Hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, tạo sự liên kết vùng, miền và khu vực. Một số khu đô thị mới được hình thành, hệ thống hạ tầng đô thị thiết yếu được hoàn thiện, nhiều công trình hạ tầng xã hội được xây dựng<sup>33</sup>.

## **2. Về phát triển văn hóa - xã hội**

### ***2.1. Giáo dục và đào tạo và phát triển nguồn nhân lực***

Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên, quy mô mạng lưới trường lớp trong toàn tỉnh đã được tổ chức, sắp xếp lại từng bước hợp lý, cơ bản đáp

<sup>29</sup> Thời gian xử lý hồ sơ thành lập doanh nghiệp chỉ còn bình quân là 1,7 ngày (rút ngắn thời gian 1,3 ngày so với quy định của Luật Doanh nghiệp); rút ngắn thời gian cấp quyết định chủ trương đầu tư từ 35 ngày xuống còn 10-15 ngày; thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 50 ngày xuống còn 40 ngày; rút ngắn thời gian thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

<sup>30</sup> Công tác cổ phần hóa các công ty lâm nghiệp gặp khó khăn, vướng mắc kéo dài trong quá trình hoàn thiện các phương án sử dụng đất, nhất là việc thu hồi lại đất, xử lý tài sản trên đất để bàn giao về địa phương, nên đến nay các công ty lâm trường vẫn chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất.

<sup>31</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 322 HTX, 01 Liên hiệp HTX. Doanh thu bình quân 998 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 114 triệu đồng/HTX, tỷ suất lãi (lãi/vốn) của HTX đạt từ 8 - 12%/năm.

<sup>32</sup> Cầu sông Hiếu, cầu thứ 2 qua sông Thạch Hãn, cầu nối Mò Ó - Triệu Nguyên, Đường cao tốc Cam Lộ- La Sơn (đoạn qua địa bàn tỉnh), đường tránh thành phố Đông Hà về phía Đông, Đường Sa Trầm - Palin, trục đường trung tâm Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị ...

<sup>33</sup> Tiếp tục hoàn thiện Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Phân hiệu Đại học Huế, Nhà văn hóa Trung tâm thành phố, Trung tâm Thể dục thể thao thành phố, Trường Ischool; nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm TDTT, nhà văn hóa khu phố và các thiết chế văn hóa khác.



ứng nhu cầu học tập của học sinh<sup>34</sup>. Mạng lưới giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp ổn định<sup>35</sup>. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn ngành được tăng cường về số lượng, chuẩn hóa về trình độ, đảm bảo yêu cầu của việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; mục tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm<sup>36</sup>. Chất lượng giáo dục mũi nhọn có bước phát triển khởi sắc<sup>37</sup>. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh để khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực quốc tế đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao<sup>38</sup>.

## **2.2. Về văn hóa, thể dục thể thao và xây dựng con người**

Nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao gắn với mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện đã được chú trọng. Đã tổ chức thành công các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn, nhất là kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh và một số lễ hội mang nét đặc trưng riêng của Quảng Trị<sup>39</sup>. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào chiều sâu.

Công tác quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh được chú trọng; công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm<sup>40</sup>. Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút nhiều đối tượng tham gia. Công tác tuyên

<sup>34</sup> Toàn tỉnh hiện có 400 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trung tâm (trong đó 379 đơn vị công lập và 21 đơn vị tư thục; giảm 100 cơ sở giáo dục so với trước). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 35 trung tâm ngoại ngữ, tin học tư thục, 11 tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và 8 đơn vị tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

<sup>35</sup> Ở cấp huyện, sáp nhập các Trung tâm GDTX và Trung tâm KHTH-HN để hợp nhất với trung tâm dạy nghề thành Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện; Ở cấp tỉnh, sáp nhập Trung tâm CNTT-NN Sở Giáo dục và Đào tạo vào Trung tâm GDTX tỉnh thành Trung tâm GDTX-TH, NN tỉnh

<sup>36</sup> Đánh giá theo tiêu chí cũ đến 30/7/2020, toàn tỉnh có 269/397 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 67,76%); Áp dụng theo bộ tiêu chuẩn mới ban hành theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT tại thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 175/368 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 47,6%).

<sup>37</sup> Trong 5 năm qua, đã có hàng ngàn em đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh ở cấp THCS và THPT; toàn tỉnh có 121 học sinh đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia THPT (2 giải nhất, 25 giải nhì, 38 giải ba và 56 giải khuyến khích. Đặc biệt có 2 học sinh giành ngôi quán quân và 1 học sinh đạt á quân chung kết cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia (Năm thứ 15, 17 và 18)...

<sup>38</sup> Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 19 trường mầm non, 02 trường nhiều cấp học và hàng nghìn nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục (tăng 10 trường tư thục so với nhiệm kỳ trước).

<sup>39</sup> Lễ hội "Thống nhất non sông" tổ chức hàng năm vào dịp 30/4 tại Di tích Quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; Lễ trao tặng, truy tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú và giải thưởng văn học nghệ thuật Chế Lan Viên tỉnh Quảng Trị lần thứ nhất (năm 2016); Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn, 70 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ, 45 năm sự kiện 81 ngày đêm chiến đấu bảo vệ Thành Cổ và thị xã Quảng Trị (năm 2017).

<sup>40</sup> Từ năm 2016 đến nay đã lập hồ sơ trình các cấp xem xét, xếp hạng 01 di tích cấp quốc gia (di tích Địa điểm ly sở Đình chúa Nguyễn 1558-1626); xếp hạng 09 di tích cấp tỉnh...

chọn và bồi dưỡng vận động viên thể thao thành tích cao được chú trọng đầu tư và đạt những thành tích đáng khích lệ<sup>41</sup>.

### **2.3. Y tế, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, công tác dân số, gia đình, trẻ em**

Hệ thống mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển; cơ sở vật chất kỹ thuật được chú trọng đầu tư<sup>42</sup>. Các chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020, hoạt động y tế khác được triển khai đồng bộ, phần lớn các mục tiêu đạt kế hoạch đề ra. Đội ngũ cán bộ y tế từng bước nâng cao cả về số lượng và chất lượng<sup>43</sup>.

Chất lượng khám chữa bệnh được cải thiện và nâng cao. Số lượt khám bệnh tăng trung bình 3,5% - 5%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe sinh sản có nhiều tiến bộ<sup>44</sup>. Công tác y tế dự phòng được triển khai thực hiện tốt, kịp thời kiểm soát và khống chế dịch bệnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 được thực hiện quyết liệt, khẩn trương, nghiêm túc và hiệu quả, nhất là các biện pháp cấp bách để ứng phó với từng cấp độ dịch bệnh<sup>45</sup>. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm được triển khai chặt chẽ và đồng bộ.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đạt nhiều kết quả, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn<sup>46</sup>. Công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình được thực hiện tốt, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá gia đình Việt Nam. Tình trạng bạo lực gia đình qua các năm có xu hướng giảm, số gia đình đạt chuẩn văn hóa ngày càng tăng<sup>47</sup>.

### **2.4. Lao động việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội**

- *Giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động*: Nhiều chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, khôi phục, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển năm 2016 được thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Công tác dạy nghề có chuyển biến tích cực; chất lượng đào tạo

<sup>41</sup> Từ năm 2015 đến năm 2020, đoàn thể thao Quảng Trị tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế đạt được 867 huy chương các loại. Tham gia thi đấu 06 bộ môn tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII, năm 2018 đạt 01 HCV, 02 HCB, 04 HCD, xếp thứ 49/65 toàn quốc.

<sup>42</sup> Ở tuyến tỉnh, đã đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Phục hồi chức năng; Ở tuyến huyện, sắp xếp tinh gọn lại hệ thống tổ chức bộ máy bằng cách hợp nhất 08 Trung tâm Y tế và 08 Bệnh viện đa khoa các huyện, thành phố.

<sup>43</sup> Đến cuối tháng 12/2020, có 643 bác sỹ (trong đó có 04 tiến sĩ, 30 bác sỹ chuyên khoa II, 28 thạc sỹ bác sỹ, 159 bác sỹ chuyên khoa I), 80 dược sỹ đại học và sau đại học.

<sup>44</sup> Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi, dưới 1 tuổi rất thấp (< 5‰, riêng năm 2020: Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi, dưới 1 tuổi lần lượt là 2,6‰ và 1,9‰) và giảm qua các năm...

<sup>45</sup> Tổng số trường hợp đã lấy mẫu và làm xét nghiệm sàng lọc SAR-CoV-2: 27.236 TH, trong đó có 27.229 mẫu âm tính, 07 mẫu dương tính. Hiện các bệnh nhân đã được điều trị khỏi bệnh và xuất viện.

<sup>46</sup> 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế và được khám chữa bệnh miễn phí. Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%. Các lĩnh vực bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, người cao tuổi ... được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%.

<sup>47</sup> Năm 2016: toàn tỉnh có 420 vụ bạo lực gia đình, đến năm 2020 còn 166 vụ; Năm 2016: toàn tỉnh có 144.196/160.273 (đạt 89,9%) gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đến năm 2020 có 159.7192/170.886 (đạt 93,1%) gia đình được công nhận gia đình văn hóa.

nghề được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường và các doanh nghiệp<sup>48</sup>.

- *Công tác giảm nghèo*: Công tác giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả; đã thu hút nhiều nguồn lực và thực hiện nhiều giải pháp để giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng miền núi và vùng biển bãi ngang. Chú trọng phát triển các mô hình sản xuất gắn với mục tiêu giảm nghèo và giải quyết việc làm.. Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 với tổng nguồn vốn 624.379 triệu đồng<sup>49</sup> đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án<sup>50</sup>. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 15,43% đầu năm 2016 xuống còn 7,03% vào cuối năm 2020.

- *Công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc người có công*: Công tác an sinh xã hội, chăm lo và thực hiện chế độ chính sách đối với thương, bệnh binh, người có công, gia đình liệt sỹ được đặc biệt quan tâm. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách bảo trợ xã hội theo quy định<sup>51</sup>; thực hiện kịp thời, đầy đủ chính sách hỗ trợ đột xuất khi thiên tai, bão lụt xảy ra, nhất là chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 và đại dịch COVID-19<sup>52</sup>.

- *Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em*: Thực hiện tốt công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Có 97% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được chăm sóc, bảo vệ; 100% cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được đào tạo kỹ năng cơ bản.

#### **2.4. Dân tộc và miền núi**

Công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh được tăng cường, đổi mới và đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo<sup>53</sup>. Cơ sở hạ tầng cơ bản của vùng miền núi được đẩy tư, xây dựng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân<sup>54</sup>.

<sup>48</sup> Trong 5 năm, toàn tỉnh đào tạo nghề nghiệp cho 60.947 người; bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 12.189 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 43,5% (cuối năm 2015) lên 65,88% (cuối năm 2020) trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 3,6% năm 2016 xuống còn 2,9% vào cuối năm 2020.

<sup>49</sup> Trong đó: ngân sách Trung ương: 579.846 triệu đồng (vốn Đầu tư phát triển: 414.510 triệu đồng; vốn Sự nghiệp: 165.336 triệu đồng); ngân sách địa phương: 682 triệu đồng (vốn Đầu tư phát triển: 682 triệu đồng); Vốn huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp: 43.851 triệu đồng.

<sup>50</sup> Đã xây dựng 414 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ xây dựng 244 mô hình, 69 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng 70 mô hình giảm nghèo với tổng số 10.619 hộ nghèo, cận nghèo hưởng lợi tham gia; tư vấn cho 1.230 lượt người lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

<sup>51</sup> Toàn tỉnh có 37.683 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, với tổng kinh phí trợ cấp xã hội là 185 tỷ đồng/năm.

<sup>52</sup> Chi trả hỗ trợ đối với 04 nhóm đối tượng (người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo) của toàn tỉnh là 142.045 người được hỗ trợ; tổng kinh phí đã hỗ trợ của 4 nhóm là 140.085 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ cho 14.118 người được hỗ trợ; tổng kinh phí hỗ trợ là 14.352 triệu đồng.

<sup>53</sup> Tính đến thời điểm 01/01/2021 dân số vùng miền núi là: 44.419 hộ trong đó DTTS: 20.476 hộ; Số hộ nghèo toàn vùng miền núi 44 xã: 8.513 hộ, chiếm tỷ lệ 19,17%; số hộ cận nghèo: 4.554 hộ, chiếm tỷ lệ 10,25%; Số hộ nghèo DTTS: 7.930 hộ, chiếm tỷ lệ: 38,73%. Xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm tỷ lệ 25%

<sup>54</sup> Tính tới thời điểm này, toàn vùng có 100% xã, thôn bản có điện lưới quốc gia; 98,7% hộ sử dụng điện; 100% xã được phủ sóng truyền hình; 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 77% số thôn, bản

Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều tiến bộ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; mô hình VAC, VACR được áp dụng khá phổ biến, nhiều mô hình kinh tế trang trại ra đời; khoa học kỹ thuật được ứng dụng rộng rãi trong đời sống và sản xuất. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; không có các vụ khiếu kiện tập thể và tranh chấp đất đai nội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### 3. Khoa học - Công nghệ

Đã nghiên cứu xây dựng các chính sách địa phương để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là về hỗ trợ khởi nghiệp. Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm được quan tâm, nhất là ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước; áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh. Triển khai có hiệu quả một số Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ<sup>55</sup>.

Đã nỗ lực xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, công nghệ thông tin; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập.

### 4. Thông tin - truyền thông

Công tác thông tin, truyền thông đã phát huy hiệu quả và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu về thông tin của người dân. Hạ tầng viễn thông phát triển đến các vùng sâu vùng xa, chất lượng dịch vụ thông tin và dịch vụ truy nhập Internet được nâng cao, số lượng thuê bao di động và thuê bao Internet tăng nhanh<sup>56</sup>.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước được chú trọng, 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng hệ thống gửi nhận văn bản qua mạng; hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống

---

áp có đường giao được cứng hóa đến trung tâm xã; 100% xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 100% số xã có trường tiểu học, 75% số xã có trường trung học cơ sở, 38 trường đạt chuẩn Quốc gia; tỷ lệ học sinh DTTS đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 95%, bậc THCS đạt 96%; Tỷ lệ xã có nhà văn hóa là 40,4%; tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 88; Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS sử dụng nước hợp vệ sinh là 62%..

<sup>55</sup> Như hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025; triển khai các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, giúp các doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực để sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ...

<sup>56</sup> Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 174 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, bán kính phục vụ bình quân 2,914 km/1 điểm phục vụ; số dân được phục vụ là 3.553 người/1 điểm phục vụ. 100% số xã được kết nối điện thoại. Có 630.277 thuê bao điện thoại, đạt mật độ 101 thuê bao/100 dân (KH 113 thuê bao/100 dân), trong đó: điện thoại cố định 9.400 thuê bao, điện thoại di động 620.087 thuê bao. Tổng số thuê bao Internet cố định bằng rộng là 96.175 thuê bao, đạt mật độ 16 thuê bao/100 dân (KH 13 thuê bao/100 dân). Tổng số thuê bao băng rộng di động là: 409.115 thuê bao.

thư điện tử công vụ và một cửa điện tử được triển khai. Cổng giao tiếp Dịch vụ công trực tuyến tỉnh cũng đã kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ để tiếp nhận và xử lý hồ sơ của các tổ chức, người dân, doanh nghiệp.

Hoạt động truyền thông, báo chí ngày càng nâng cao chất lượng, phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân<sup>57</sup>.

### **5. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 52-CTHĐ/TU ngày 13/12/2012 của Tỉnh ủy về định hướng khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Ban hành nhiều giải pháp để tăng cường quản lý nhà nước, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất, tăng thu ngân sách từ quỹ đất.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường được tăng cường, việc bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường nguồn nước được chú trọng<sup>58</sup>. Thực hiện có hiệu quả các dự án về bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái<sup>59</sup>. Hoạt động bảo vệ môi trường ở các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và làng nghề được quan tâm. Các chỉ tiêu về môi trường được hoàn thành theo kế hoạch đề ra<sup>60</sup>.

### **6. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển**

Nhiều dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được triển khai theo đúng kế hoạch. Tỉnh đã chủ động, tích cực khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư, nhất là nguồn vốn ODA, các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư, phát triển lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường...

Tổng vốn ODA thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 ước đạt 184,65 triệu USD<sup>61</sup>, gấp 1,5 lần so với tổng vốn thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Tổng vốn cam kết tài trợ mới từ nguồn vốn NGOs đạt khoảng 39,425 triệu USD; 16 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 79,69 triệu USD, bình quân vốn thực hiện hàng năm ước đạt 8,426 triệu USD.

<sup>57</sup> Đến nay, Báo Quảng Trị phát hành 95 kỳ ấn phẩm chính với 3.600 bản/kỳ; phát hành 3 kỳ ấn phẩm phụ với 3.600 bản/kỳ. Tạp chí Cửa Việt xuất bản 2 số; các bản tin và đặc san xuất bản được gần 5.000 bản.

<sup>58</sup> Triển khai lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến 2035 và Đề án thành lập hành lang bảo tồn đa dạng sinh học Đakrông - Hướng Hoá. Hoàn thành dự án Bảo tồn hành lang đa dạng sinh học tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn 2 với các nhiệm vụ: Phê duyệt Đề án thí điểm thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hoá; Giao rừng cộng đồng gắn với giao đất lâm nghiệp cho 10 thôn với tổng diện tích 3.313,5 ha. Hoàn thành công tác trồng rừng phục hồi 1.488,8 ha, lâm sản ngoài gỗ: 956 ha, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: 110,6 ha, trồng rừng sinh kế: 356,3 ha

<sup>59</sup> Dự án “Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu”; Dự án “Trồng rừng chống xói mòn trên cát tỉnh Quảng Trị”; dự án: “Trồng rừng ngập mặn tại phường Đông Giang, thành phố Đông Hà và xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong”,...

<sup>60</sup> Như tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 95%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,5%; tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 95%.

<sup>61</sup> Tỷ giá quy đổi tương đương: 01 USD = 22.000 VNĐ

Tỉnh đã tích cực thực hiện các giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư như: đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch; đã khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, ngăn chặn phát sinh và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, khẩn trương đưa các công trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

### **7. Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng, xây dựng thế trận, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng được chú trọng. Hệ thống công trình chiến đấu từng bước được đầu tư xây dựng, chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh ngày càng được nâng cao, chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững. Hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.

Công tác tuyển quân hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu, chất lượng thanh niên nhập ngũ ngày càng được nâng cao. Công tác xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ và dự bị động viên đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời, quyết liệt, hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và những vấn đề phức tạp nảy sinh. An ninh biên giới giữ vững, không để xảy ra bất ngờ, không có “điểm nóng”; bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới, biển đảo, góp phần xây dựng môi trường ổn định, an toàn để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **8. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế**

Công tác đối ngoại được chú trọng, thực hiện đồng bộ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Quan hệ đối ngoại, hợp tác hữu nghị giữa tỉnh với các đối tác, bạn bè quốc tế được tăng cường và mở rộng<sup>62</sup>, nhất là quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện các tỉnh của nước bạn Lào tiếp tục được giữ gìn, phát huy và đi vào chiều sâu.

Tỉnh ủy ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/7/2017 về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư<sup>63</sup>; tham gia nhiều sự kiện quốc tế và khu vực để mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đối ngoại và quảng bá, xúc tiến, vận động đầu tư.

<sup>62</sup> Đến nay, tỉnh duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với trên 15 đơn vị hành chính đồng cấp ở nước ngoài, gần 60 tổ chức quốc tế, phi Chính phủ nước ngoài và liên Chính phủ; phát triển mối quan hệ hợp tác với trên 20 đối tác phát triển; tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ 06 quốc gia, vùng lãnh thổ.

<sup>63</sup> Hội nghị xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch tỉnh Quảng Trị, Hội thảo xúc tiến đầu tư vào tỉnh Quảng Trị bên lề Hội nghị Bộ trưởng kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Singapore.

## **9. Công tác cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, thực hiện nghiêm kỷ luật công vụ, đổi mới phong cách làm việc hiệu quả; nhiều cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử. Thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công (hoạt động từ năm 2019), tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tập trung thuộc 14 sở, ngành của tỉnh.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, có kế hoạch thực hiện cụ thể, gắn kết chặt chẽ với nội dung "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*". Việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 6 khóa XII đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã<sup>64</sup> theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và sắp xếp thôn, khu phố theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh. Thực hiện giảm 164 đơn vị sự nghiệp công lập<sup>65</sup>, đạt 24,7% so với tổng số ĐVSNCL toàn tỉnh, vượt 14,7% so với mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra đến năm 2021 và đạt 87,2% so với tổng số đơn vị phải thực hiện đến năm 2030 tại Kế hoạch số 84-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>66</sup>. Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Đánh giá tổng quát**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của tỉnh được thực hiện trong bối cảnh tình hình khó khăn, thách thức lớn hơn so với dự báo nhưng với quyết tâm chính trị, khát vọng vươn lên, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân toàn tỉnh đã phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, đạt được những kết quả quan trọng:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm sau cao hơn năm trước và cao hơn mức tăng bình quân của cả nước; cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch tích cực,

<sup>64</sup>Kết quả, toàn tỉnh giảm từ 141 ĐVHC cấp xã (117 xã, 13 phường, 11 thị trấn) xuống còn 125 ĐVHC cấp xã (101 xã, 13 phường, 11 thị trấn), giảm 16 xã (chiếm 11,35%); Tổng số cán bộ, công chức được sắp xếp, bố trí ở 17 xã, thị trấn mới hình thành sau sắp xếp: 515 người (Giảm 90 người so với 33 xã, thị trấn trước khi sắp xếp, trong đó: thực hiện sắp xếp điều động đến các xã, thị trấn khác hoặc chuyển thành công chức cấp huyện: 32 người; giải quyết chính sách tinh giản biên chế: 58 người).

<sup>65</sup>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giảm 101 đơn vị; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Giảm 17 đơn vị; lĩnh vực y tế: giảm 21 đơn vị; lĩnh vực văn hoá: Giảm 11 đơn vị; sự nghiệp khác: Giảm 14 đơn vị

<sup>66</sup>Qua sắp xếp, toàn tỉnh giảm được 309 cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp (164 cấp trường, 145 cấp phó); tinh giản được 1447 biên chế sự nghiệp so với năm 2015.

đúng hướng; Huy động và sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội có hiệu quả; nhiều dự án trọng điểm đã được khởi động.

- Văn hóa - xã hội đạt được nhiều tiến bộ; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đô thị phát triển. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; giải quyết việc làm được chú trọng, tỷ lệ thất nghiệp giảm. Thực hiện tốt các chính sách cho người có công, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện.

- Chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Các biện pháp phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm môi trường được chú trọng.

- Công tác cải cách hành chính được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, nhiều thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa; môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, tinh giản biên chế được đẩy mạnh và đạt được kết quả tốt. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt nhiều kết quả tích cực. Đã xử lý nghiêm nhiều vụ việc được xã hội quan tâm, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân.

- Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; giữ vững ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh, góp phần thu hút các nguồn lực cho phát triển. Quan hệ với các đối tác tiếp tục được mở rộng, đem lại hiệu quả..

## **2. Những khó khăn, thách thức và hạn chế**

- Kinh tế tuy giữ được tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra<sup>67</sup>. Chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu thu hẹp khoảng cách so với khu vực và cả nước; quy mô nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp. Việc triển khai thực hiện một số chương trình, đề án, lĩnh vực trọng điểm mang tính đột phá còn chậm, chưa phát huy hiệu quả.

- Chất lượng dịch vụ còn thấp, chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ còn chậm. Quảng bá xúc tiến du lịch chưa được đầu tư tương xứng; chưa có nhiều chính sách đột phá để thu hút khách du lịch.

- Quản lý nhà nước về văn hóa, thể dục thể thao ở một số lĩnh vực chưa toàn diện. Chất lượng các dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Chất lượng giáo dục giữa các vùng miền trong tỉnh chưa đồng đều. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

- Chính quyền ở một số địa phương hoạt động hiệu quả chưa cao; kỷ cương, kỷ luật hành chính chưa nghiêm. Việc thực hiện tinh giản biên chế vẫn

<sup>67</sup>Một số chỉ tiêu đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra, đó là: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm; cơ cấu ngành kinh tế; GRDP bình quân đầu người; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đây là các chỉ tiêu có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau và phụ thuộc rất nhiều vào các nhân tố khách quan tác động trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động của nền kinh tế.



chủ yếu giảm số nghỉ hưu và chỉ tiêu chưa tuyển dụng. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có lúc, có nơi còn lúng túng, thiếu quyết tâm

- Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực quân sự quốc phòng ở một số lĩnh vực, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế**

*Về khách quan:* do tích lũy nguồn lực từ nội bộ nền kinh tế - xã hội của tỉnh còn thấp, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của Trung ương bố trí cho tỉnh giảm so với Quyết định được giao; sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư còn thấp so với nhiều tỉnh trong khu vực. Sự tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn châu Phi và đại dịch Covid-19 làm tăng thêm nhiều khó khăn, thách thức.

*Về chủ quan:* Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh còn một số hạn chế. Sự phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong giải quyết một số nhiệm vụ còn lúng túng, thiếu đồng bộ. Trình độ quản lý, tư duy kinh tế của nhiều chủ doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh chưa theo kịp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

### **3. Những bài học kinh nghiệm**

Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã tổng kết thực tiễn và rút ra 5 bài học kinh nghiệm quý giá của 5 năm vừa qua, đó là:

- Luôn giữ gìn và phát huy sự đoàn kết thống nhất trong cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong toàn xã hội. Thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh; chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín; phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu, là nhân tố quyết định thành công.

- Luôn quán triệt và nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu phát triển của địa phương. Từng giai đoạn phải kịp thời phát hiện đúng và tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở sự phát triển cũng như quan tâm xác định các nguồn lực phù hợp để khai thác, phát huy; biến khó khăn, thách thức thành tiềm năng, cơ hội phát triển. Trong việc phân bổ nguồn lực, vừa chú trọng tính toàn diện, vừa tập trung đối với những lĩnh vực then chốt, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá, tạo động lực cho phát triển.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, hiệu quả. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với cam kết trách nhiệm, nói đi đôi với làm, phát huy tinh thần nêu gương, khát vọng phát triển của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, tạo cảm hứng và sự lan tỏa trong các cấp, các ngành, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn xã hội để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

- Quán triệt và thực hiện đúng phương châm “*nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng*”; tích cực, chủ động phát huy nội lực và tranh thủ huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài; tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương; mạnh dạn đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách phù hợp, kiên trì bám sát để tỉnh có thêm cơ hội phát triển.

- Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

## **Phần 2**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

#### **I. BỐI CẢNH**

Dự báo bối cảnh quốc tế những năm tới, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh tuy có gặp nhiều trở ngại, thách thức; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Tình hình trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn. Khu vực tư nhân ngày càng có sự đóng góp lớn hơn vào nền kinh tế. Đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

Đối với tỉnh Quảng Trị, thành tựu sau hơn 30 năm lập lại tỉnh; kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020; đặc biệt là nhiều chương trình, dự án động lực, trọng điểm của tỉnh đã được khởi động. Việc khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển. Bên cạnh những vận hội, cơ hội phát triển và hội nhập, nội tại nền kinh tế tỉnh sẽ còn những khó khăn nhất định; bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có khả năng xuất hiện thêm những khó khăn, thách thức cho đất nước cũng như tỉnh nhà, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ và quyết tâm cao nhất của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

#### **II. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các khâu đột phá chiến lược. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, các sản phẩm mang thương hiệu đặc sắc của tỉnh. Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phân đấu đến năm 2025 Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.

## **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 7,5 - 8%;
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 - 90 triệu đồng;
- Cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): nông nghiệp 15%, phi nông nghiệp là 85%;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 là 123.700 tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 đạt 22.500 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10 - 12%/năm;
- Số doanh nghiệp đăng ký mới giai đoạn 2021-2025 là 1.500 - 2.000 doanh nghiệp;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 75,2%; đến năm 2025 có thêm 03 huyện nông thôn mới; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu là 25%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm giai đoạn 2021- 2025 từ 1 - 1,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 75 - 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 33%;
- Số lao động được tạo việc làm mới bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 12.000 lao động;
- Đến năm 2025, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non đạt 70%; cấp tiểu học đạt 80%, cấp THCS đạt 80%, cấp THPT đạt 60%, trường phổ thông có nhiều cấp học đạt 60%.
- 100% xã, phường, thị trấn duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS.
- Đến năm 2025, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/1 vạn dân. Phân đấu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế;
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 98%;
- Tuổi thọ trung bình đến năm 2025 là 70 tuổi.
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2025 là 97%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 97,5%;

- Đến năm 2025, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 98% và tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn đạt 70%.

### **3. Các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phá**

#### **3.1. Các chương trình, dự án trọng điểm**

- Hoàn thành đúng tiến độ và có chất lượng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và toàn tỉnh; Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh quy hoạch Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; xây dựng Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển; các quy hoạch theo quy định của pháp luật, phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành việc đầu tư xây dựng và phát triển trục kết nối các trọng điểm kinh tế đã đề ra từ nhiệm kỳ trước. Hình thành Hành lang đường bộ và kinh tế từ cửa khẩu quốc tế La Lay về Mỹ Thủy và kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây; Nghiên cứu, xây dựng, triển khai một số trọng điểm kinh tế nhằm tạo thêm cực tăng trưởng mới.

- Triển khai một số dự án trọng điểm về công nghiệp, giao thông, văn hóa - xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển mạnh kinh tế biển.

- Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh; phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, đô thị thông minh.

- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển.

#### **3.2. Các ngành, lĩnh vực đột phá**

- Các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế của địa phương, như: công nghiệp năng lượng; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ); công nghiệp silicat; công nghiệp may mặc.

- Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, thị trường bất động sản...). Phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, nhằm xây dựng và phát triển kinh tế số.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh Cách mạng trở thành sản phẩm đặc trưng riêng của Quảng Trị, trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước; đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ sớm hình thành khu du lịch quốc gia Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát**

- Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương. Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ dân do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và thiên tai. Làm tốt công tác thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng.

- Huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính; nuôi dưỡng và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng an toàn, bền vững, đảm bảo nguồn lực hoạt động của các cấp, các ngành và hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh..

Tập trung huy động các nguồn vốn đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm có tính động lực và ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện nâng cấp, hoàn thiện các công trình hạ tầng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sức lan tỏa lớn, tăng thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách gắn với sắp xếp tổ chức lại bộ máy; nâng cao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công; từng bước đẩy mạnh cơ chế giao dự toán kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN theo phương thức đấu thầu, đặt hàng...

Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2020 - 2025 đạt 21.500 - 22.500 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10 - 12%/năm, giai đoạn 2025 - 2030 đạt 38.300 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm trên 12%/năm; kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả chi ngân sách địa phương.

#### **2. Đẩy mạnh cơ cấu các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.**

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên các mô hình, các giải pháp khoa học công nghệ mới. Tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 và thiệt hại do lũ lụt gây ra; nhanh chóng phục hồi nền kinh tế trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025, tận dụng các thời cơ, cơ hội mới để bứt phá, phát triển trong những năm cuối của kỳ kế hoạch. Tăng cường phòng, chống thích ứng với dịch bệnh kéo dài. Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc cơ cấu lại các ngành kinh tế tỉnh.

### **2.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới**

Chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao gắn với chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc, cơ cấu lại ngành lúa gạo.

Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hiệu quả, bền vững theo hướng hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương. Thực hiện kịp thời Phương án số 5841/PA-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về Khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp.

Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế của địa phương, trong đó, tập trung chuẩn hóa sản phẩm mới, nâng hạng những sản phẩm đã được công nhận trong Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) theo hướng sản xuất hàng hóa; ưu tiên phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên, sản phẩm đặc sản, truyền thống của địa phương. Phân đấu đến năm 2025 có trên 1.000 ha lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên; Duy trì sản lượng lương thực có hạt ổn định 25 - 26 vạn tấn/năm; Trồng mới, tái canh diện tích cà phê; ổn định diện tích ca su hiện có, trồng mới và thâm canh hồ tiêu theo quy hoạch. Ổn định diện tích cây hồ tiêu 2.700 ha, cây cà phê 5.500 ha, cây cao su 20.000 - 21.000 ha.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại gắn với an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và bảo vệ với môi trường. Tăng cường liên kết để giải quyết đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cho các vùng nuôi đặc sản địa phương. Nâng cao chất lượng đàn bò, đẩy mạnh Chương trình Zebu hóa đàn bò, đưa tỉ lệ bò lai Zebu đạt 70% tổng đàn bò vào năm 2025. Khôi phục, phát triển tổng đàn, nâng cao chất lượng đàn lợn; phân đấu tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại năm 2025 đạt 45.000 - 47.000 tấn.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng, ưu tiên và chuyển mạnh sang trồng rừng gỗ lớn theo tiêu chuẩn quốc tế FSC, gắn doanh nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu, sản xuất theo chuỗi giá trị. Hàng năm, trồng mới rừng tập trung đạt 6.500 - 7.000 ha, duy trì độ che phủ rừng ổn định từ 49 - 50%. Từng bước đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung vào năm 2030.

Chuyển đổi mạnh khai thác thủy sản xa bờ, ứng dụng công nghệ hiện đại với các thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc, máy định vị, tầm ngư... để nâng cao năng lực đánh bắt. Đến năm 2025, số tàu cá chiều dài trên 15m có công suất trên 90cv đạt 250 chiếc; sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.600 - 3.800 ha, trong đó có ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất giá trị nuôi tôm trên mỗi đơn vị diện tích.

Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy tối đa năng lực thiết kế; đảm bảo tưới chủ động trên 90% diện tích đất trồng lúa 02 vụ.

Duy trì vững chắc kết quả của các xã đã đạt chuẩn; đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đến cuối năm 2025, phấn đấu có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 75,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; không còn xã dưới 10 tiêu chí.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, nhất là đối với hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp để đạt mục tiêu có 55% - 60% HTX hoạt động có hiệu quả theo bộ tiêu chí của Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT trong giai đoạn 2021-2025. Thúc đẩy hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tham gia xây dựng sản phẩm OCOP, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên. Phấn đấu đến năm 2025 số lượng sản phẩm OCOP đạt trên 100 sản phẩm.

## **2.2. Về phát triển công nghiệp - xây dựng**

Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác, phát huy các ngành có lợi thế như: Công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ), công nghiệp silicat, công nghiệp sử dụng khí (từ mỏ Báo Vàng, mỏ Kèn Bầu) công nghiệp may mặc...

Triển khai xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã được quy hoạch. Tiếp tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương xem xét bổ sung vào quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030 các dự án điện gió khoảng 3.000MW - 4.000MW, điện mặt trời khoảng 2.000MW. Từng bước xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030.

Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp. Quy hoạch và phát triển công nghiệp phụ trợ dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 để gắn liền Khu kinh tế cửa khẩu La Lay với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và cảng biển Mỹ Thủy, hình thành nên Hành lang kinh tế (tuyến Xuyên Á thứ 2) song song với Hành lang kinh tế Đông Tây.

Kiến nghị Chính phủ bổ sung dự án Hệ thống đường ống dẫn khí mỏ Kèn Bầu về Quảng Trị và nâng công suất Nhà máy xử lý khí tại Quảng Trị vào “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”; bổ sung Quy hoạch điện lực Quốc gia (Tổng sơ đồ điện VIII) các dự án nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí từ mỏ Kèn Bầu để kêu gọi đầu tư.

Tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi Tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Khuyến khích các dự án công nghiệp mới, công nghệ và thiết bị hiện đại. Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản; khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao... Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

### **2.3. Về phát triển thương mại - dịch vụ**

Rà soát, bổ sung định hướng phát triển một số sản phẩm chủ lực của địa phương; trong đó, phấn đấu xây dựng được một số sản phẩm địa phương mang thương hiệu quốc gia. Thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại. Thu hút đầu tư, phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho tàng, bến bãi, dịch vụ logistic; phấn đấu Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực vào năm 2030.

Triển khai Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2025; chú trọng công tác xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm nông lâm thủy hải sản, đặc biệt là các sản phẩm OCOP của tỉnh; chú trọng phát triển thị trường nội địa nhất là các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh ...và hướng đến thị trường nước ngoài.

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng và khả năng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh từ các dịch vụ tiện ích, hiện đại, có giá trị gia tăng cao và tiềm năng lớn như: vận tải, khoa học công nghệ, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các loại dịch vụ tư vấn...

Tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu; đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; tập trung phát triển thương mại biên giới, thu hút doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn tỉnh Quảng Trị. Triển khai kiểm soát biên giới theo mô hình Quản lý biên giới tích hợp, thông minh, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ về dịch bệnh, buôn lậu, vận chuyển trái pháp hàng hóa, ma túy, chất nổ, vũ khí qua biên giới.

### **2.4. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 25/7/2017 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án quy hoạch phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;



Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng là sản phẩm du lịch đặc trưng của Quảng Trị trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước, đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch mới. Kết nối các sản phẩm du lịch địa phương trong tỉnh và ngoài tỉnh gắn với các sản phẩm du lịch “Con đường Huyền thoại”, “Con đường Di sản”. Tôn tạo khu di tích đặc biệt quốc gia đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải và các di tích lịch sử, văn hóa khác. Xây dựng, định hình và triển khai hiệu quả Lễ hội “Vi Hòa bình”; Khu du lịch cộng đồng Hệ thống giếng cổ Gio An (Gio Linh); du lịch biển, đảo Cồn Cỏ; đồng thời, khảo sát, đánh giá, khai thác thêm các tuyến, điểm du lịch có tiềm năng của tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư chiến lược phát triển kinh doanh du lịch và huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Đổi mới cách thức, nội dung, nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch của tỉnh gắn với hình ảnh tiêu biểu, sản phẩm chủ đạo, mang đậm bản sắc, nét riêng văn hóa, con người Quảng Trị.

### **3. Tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị**

Nâng cao chất lượng, hiệu lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các đồ án quy hoạch, chú trọng xây dựng các đề án, quy hoạch phục vụ công tác thu hút đầu tư. Ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư phù hợp với tiềm năng và điều kiện của tỉnh, có sức hấp dẫn đến nhà đầu tư.

*Về hạ tầng giao thông vận tải:* Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông quan trọng trên địa bàn; thực hiện dự án Quốc lộ 15D; đốc thúc đẩy nhanh quá trình đầu tư để đưa vào khai thác cảng biển Mỹ Thủy; cảng Cửa Việt bờ Nam; Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 về cảng Cửa Việt; mở rộng Quốc lộ 9 đoạn tránh phía Nam Đông Hà; đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây; Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; cảng hàng không sân bay Quảng Trị; đường Hùng Vương nối dài giai đoạn 3; đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo. Đầu tư dứt điểm hoàn thiện, đưa vào sử dụng một số công trình đầu tư dở dang, kéo dài nhiều năm.

Định hướng Quy hoạch xây dựng tuyến đường tránh phía Tây Quốc lộ 1 tránh các khu đô thị và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

*Về hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp:* Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại Khu kinh tế Đông Nam

Quảng Trị, Khu công nghiệp Quán Ngang, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu Công nghiệp đa ngành Triệu Phú và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu tại Khu Kinh tế TMĐB Lao Bảo và khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay đủ điều kiện thành lập Khu kinh tế cửa khẩu La Lay. Đẩy nhanh triển khai dự án phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP8).

*Về hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý rác thải, nước thải:* Từng bước hiện đại và nâng cấp lưới điện; nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điện lưới, đáp ứng nhu cầu truyền tải điện. Xây dựng lưới truyền tải để đảm bảo công suất các dự án điện đầu tư trên địa bàn, trong đó, thúc đẩy hoàn thành xây dựng đường dây, trạm biến áp 220kV Đông Hà - Lao Bảo để đồng bộ với các dự án năng lượng tái tạo phía Tây của tỉnh; nghiên cứu và đề xuất Trung ương triển khai một số dự án truyền tải điện khác như dự án đường dây điện 500KV từ Lào về Việt Nam qua địa bàn tỉnh Quảng Trị; dự án TBA 500KV Quảng Trị, dự án đường dây đấu nối Quảng Trị rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng và dự án TBA 110 KV Mỹ Thủy...

Triển khai các dự án xử lý rác thải từ nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; nghiên cứu xúc tiến, thu hút đầu tư xây dựng từ 1 - 2 nhà máy xử lý chất thải, nhà hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

*Về hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn:* Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động; các công trình đê, kè phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; các khu neo đậu tránh trú bão, dịch vụ hậu cần nghề cá. Từng bước hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới.

*Về hạ tầng thương mại:* Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ; đầu tư xây dựng một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản...

*Về văn hóa, thể thao, du lịch:* Nghiên cứu xây dựng Công viên Thống nhất tại di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; triển khai thực hiện Đề án lễ hội Vì Hòa bình; Tu bổ, tôn tạo di tích Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn (giai đoạn 2); triển khai dự án Phát triển Cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị; Hoàn thiện khu liên hiệp thể thao tỉnh; nâng cấp di tích Thành Cổ Quảng Trị.

*Về y tế, giáo dục:* đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Hoàn thành Đề án hệ thống y tế cơ sở; Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019 - 2021. Phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

*Về hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:* Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 trên

địa bàn tỉnh Quảng Trị. Xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*Về hạ tầng đô thị:* Từng bước phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị hiện đại. Nghiên cứu xây dựng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển để phát triển kinh tế biển, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Phát triển thị trường bất động sản phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

Thực hiện Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục ưu tiên đầu tư nguồn lực để căn bản hoàn thành các tiêu chí đô thị loại II, từng bước xây dựng và phát triển thành phố Đông Hà trở thành đô thị xanh, đô thị thông minh. Tập trung xây dựng thị xã Quảng Trị đạt đô thị loại 3.

#### **4. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư**

Tích cực thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển theo luật đầu tư công; có cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích, thu hút, khai thác nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng theo hình thức đối tác công tư (PPP) và từ các nguồn vốn doanh nghiệp, nhân dân... Tăng cường quản lý vốn, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, bình đẳng và thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Thu hút, vận động, xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược, có năng lực tài chính. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường...

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về thể chế, chính sách, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, đất đai để tiếp nhận các dự án đầu tư từ bên ngoài. Mở rộng các hình thức đầu tư đối tác công tư, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường vốn, thị trường bất động sản, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

#### **5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ**

##### *5.1. Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục*

Tiếp tục sắp xếp hợp lý mạng lưới trường lớp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng môi trường văn hóa học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng đội ngũ nhà giáo và

cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn; đảm bảo đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học.

Thực hiện thí điểm giao quyền tự chủ và vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp tại một số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp ở nơi có đủ điều kiện. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tăng cường quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo. Thí điểm mô hình doanh nghiệp trong các cơ sở đào tạo.

Đẩy mạnh xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục. Phấn đấu đến năm 2025, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non đạt 70%; cấp tiểu học đạt 80%, cấp THCS: 80%, trường phổ thông có nhiều cấp học đạt 60%, cấp THPT đạt 60%.

Phát huy hiệu quả của Trường Cao đẳng Kỹ thuật. Định hình mô hình hoạt động của Trường Cao đẳng Sư phạm và các trường, phân hiệu giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động nông thôn.

*5.2. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*

Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động và yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được sắp xếp lại trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện để Phân hiệu Đại học Huế, Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và khu vực. Gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, tăng cường liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng với các doanh nghiệp. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, phát triển thị trường lao động.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân có trình độ trung cấp và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng đào tạo các ngành nghề đáp ứng nhu cầu lao động cho các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh, nhất là tại khu công nghiệp, khu kinh tế. Đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đào tạo nông dân trở thành chuyên gia về nông nghiệp, đào tạo lực lượng lao động trẻ làm nòng cốt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp.

*5.2. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ*

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/08/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp

lần thứ 4; Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190- KH/TU ngày 12/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

Phát triển khoa học, công nghệ hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, thị trường khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thông qua điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm hàng hóa.

#### **6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh liên kết vùng và hội nhập quốc tế**

- *Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính* để tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực theo hướng đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính; giảm chi phí thực thi thủ tục hành chính bằng việc thực hiện tốt cơ chế một cửa và một cửa liên thông. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả; tăng cường giải quyết kịp thời các vướng mắc, những kiến nghị của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Phân đấu chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu của cả nước.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 5980/KH-UBND, ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số. Xây dựng thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh.

Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Thí điểm xây dựng một số đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh; xây dựng thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh.

- *Phát triển doanh nghiệp*: Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển thông qua áp dụng đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp

luật, đào tạo nguồn nhân lực, cập nhật kiến thức về thương mại quốc tế, cung cấp thông tin thị trường,... Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thoái phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa theo lộ trình đề ra; đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ kinh phí hoạt động.

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Huy động và nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, phấn đấu đến năm 2025, thành lập mới khoảng 1.500 - 2.000 doanh nghiệp.

- *Hợp tác, liên kết và mở rộng thị trường*: Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm vùng Trung bộ với các tỉnh thành trong cả nước. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế, thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ cao.

## **7. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội**

### **7.1. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao và xây dựng con người**

Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đầu tư nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hoá, thể thao, nhất là ở cơ sở; quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các sinh hoạt văn hóa, thể thao ngoài trời, gắn với các công trình phúc lợi công cộng. Huy động các nguồn lực để phấn đấu đến năm 2025, 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao; 100% làng, thôn, bản, khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 90% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách đầu tư để phục hồi, phát triển văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện có hiệu quả các dự án phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đề án chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng tiếp cận và nắm bắt cơ hội chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hạ tầng kinh tế số. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh và truyền hình; các hoạt động văn học nghệ thuật, văn hóa, văn nghệ quần chúng... đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể trong nhân dân gắn với nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo

gương Bác Hồ”. Xây dựng con người phát triển toàn diện thông qua việc quan tâm xây dựng đạo đức trong gia đình, trường học và xã hội, nhất là thế hệ trẻ.

### ***7.2. Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số của tỉnh***

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất ngành y tế, trong đó ưu tiên đầu tư điều trị chuyên sâu cho y tế tuyến tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, xây dựng các bệnh viện đối tác công - tư, bệnh viện tư nhân, bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế. Coi trọng và có chính sách để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y bác sĩ, cán bộ ngành y tế; thu hút, trọng dụng bác sĩ giỏi; tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi và một số chuyên khoa; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về y tế.

Nâng cao chất lượng hoạt động y tế cộng đồng; y tế dự phòng; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; khống chế kịp thời các bệnh truyền nhiễm, các bệnh dịch thường gặp và bệnh dịch mới; quan tâm phòng chống các bệnh nghề nghiệp. Tập trung kiểm soát dịch Covid-19, thực hiện tiêm chủng đại trà vắc-xin Covid-19 cho cộng đồng.

Xây dựng danh mục kỹ thuật phù hợp các tuyến, tiến tới đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều giữa các cơ sở y tế, các tuyến. Thực hiện cơ chế, chính sách và lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định. Phân đầu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế.

### ***7.3. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội***

Phát triển đồng bộ thị trường lao động; thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án giải quyết việc làm; chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp và áp dụng các thành tựu kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu lao động gắn với tạo việc làm phù hợp cho người lao động khi trở về nước.

Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo, nhất; đào tạo nghề gắn với tạo việc làm sau khi học nghề cho hộ nghèo; tăng cường hỗ trợ xuất khẩu lao động cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, người có công với cách mạng và hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc Hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng, gia đình liệt sỹ. Huy động nguồn lực xây dựng, nâng cấp, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, các công trình tri ân và chăm sóc người có công với cách mạng. Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

#### **7.4. Chính sách dân tộc, tôn giáo**

Tập trung triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật.

#### **8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt Đề án “Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh”; Đề án “Hoàn chỉnh việc đo đạc lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”; ...

Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, an ninh nguồn nước. Tiếp tục tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm. Xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu. Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

#### **9. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí**

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; các quy định về thực hành tiết kiệm. Xây dựng, thực hiện đề án xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho đối tượng chính sách và người nghèo bằng nhiều hình thức.

Chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ tư pháp, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền tư pháp thật sự trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý và phục vụ nhân dân. Nâng cao vai trò, phát huy tính tích cực phối hợp của Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân, doanh nghiệp, báo chí trong phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **10. Xây dựng chính quyền tinh gọn, năng động, sáng tạo, liêm chính; vận hành thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

Tiếp tục xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước các cấp, đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chuyển mạnh từ chức năng “quản lý”



sang “phục vụ”; tách bạch giữa chức năng quản lý với chức năng kinh tế. Xây dựng hệ thống hành chính hợp lý, vận hành thông suốt. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo. Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả. Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, phẩm chất đạo đức, năng lực thi hành công vụ, có khả năng hội nhập, có bản lĩnh chính trị, tận tụy phục vụ Nhân dân. Thực hiện hiệu quả việc đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương.

### **11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại**

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào có chung biên giới. Cùng cố và phát triển các quan hệ hữu nghị, hợp tác có chiều sâu, ổn định, bền vững, hiệu quả, tạo sự tin cậy lẫn nhau giữa các địa phương, các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác nước ngoài. Đổi mới phương thức liên kết, phối hợp với các tỉnh trong khu vực và các địa phương trên Hành lang kinh tế Đông - Tây trên nguyên tắc đồng thuận, hợp tác cùng có lợi nhằm khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài, viện trợ phi chính phủ. Tranh thủ sự ủng hộ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện ngoại giao và thương mại, đầu tư Việt Nam ở nước ngoài để thúc đẩy và khai thông cầu nối với các nhà đầu tư tiềm năng. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân của tỉnh ở nước ngoài và tranh thủ tối đa nguồn lực người Quảng Trị ở nước ngoài để tham gia đóng góp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

### **12. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Quan tâm thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, Chiến lược quốc gia phòng chống kiểm soát ma túy. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội, các mục tiêu trọng điểm.

Xây dựng cơ quan Quân sự, Công an, Bộ đội biên phòng các cấp vững mạnh toàn diện, đảm bảo tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng, an ninh. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- TV, Tỉnh uỷ (b/cáo);
- TT, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ngành, địa phương;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT, TH (H). *VS*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

## PHỤ LỤC I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
(Kính theo Báo cáo số: 120 /BC-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu 2016-2020	Kết quả thực hiện					So với mục tiêu Nghị quyết 12/NQ-HĐND
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
<b>A</b>	<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU</b>									
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>									
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (theo giá so sánh)	Tỷ đồng	14.541.396		15.470.686	16.562.180	17.761.567	19.177.272	19.877.043	88.849
2	GRDP (giá hiện hành)									
	- GRDP theo VND	Triệu đồng	21.588.970		23.325.067	25.661.783	28.646.890	31.993.278	33.968.647	143.596
	- Tổng GRDP qui USD	Triệu USD	995,4		1.063,9	1.146,9	1.267,2	1.387,7	1.463,6	6,329
	- GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	34,9		37,5	41,0	45,5	50,5	53,2	Gấp 1,5 lần năm 2015
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	6,86		6,39	7,06	7,24	7,97	3,65	Chưa đạt
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	5,11		1,02	3,47	5,20	6,11	1,76	Chưa đạt
-	Công nghiệp và xây dựng	%	8,27		9,56	10,70	9,83	14,33	8,04	Chưa đạt
-	Dịch vụ	%	5,91		8,21	6,95	7,19	6,29	2,26	Chưa đạt
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	21,91		1,36	9,48	5,34	3,97	4,67	Chưa đạt
4	Cơ cấu kinh tế									
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	25,53		24,24	22,22	21,70	21,07	21,92	Chưa đạt
-	Công nghiệp và xây dựng	%	21,01		21,53	22,61	23,46	25,24	25,45	Chưa đạt
-	Dịch vụ	%	48,72		49,73	50,56	50,31	49,33	48,24	Chưa đạt
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,74		4,50	4,61	4,53	4,36	4,39	Chưa đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu 2016-2020	Kết quả thực hiện						So với mục tiêu Nghị quyết 12/NQ-HĐND
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2016-2020	
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	2,331	18.000-19.000	2,226	2,502	2,727	3,250	3,643	14,348	Chưa đạt
-	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	1,557	>15%/năm	1,921	2,189	2,380	2,758	3,213	12,461	
-	Tốc độ tăng thu nội địa	%			23.40	13.94	8.74	15.88	16.50	15.60	Đạt
6	Xuất, nhập khẩu hàng hóa										
-	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD		1,165	212	227	324	325	194	1,339	Vượt
-	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu	%		3.5	11.6	7.1	42.9	0.3	-40.3	-8.5	
-	Kim ngạch xuất khẩu / người	USD		1,835							
-	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD		1,290	131.0	196.0	212.0	209.6	177.7	949.0	Chưa đạt
-	Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu	%		3.6	-37.20	49.8	8.1	-1.2	-15.2	-12.32	
-	Nhập siêu so với xuất khẩu	%		10.730							
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	9,478	100,000	10,513	11,489	13,271	16,555	19,041	70,869	Chưa đạt
-	Vốn khu vực nhà nước	Tỷ đồng	2,899	20,624	3,327	3,647	4,262	4,370	5,394	21,000	Vượt
-	Vốn khu vực ngoài nhà nước	Tỷ đồng	6,480	68,412	7,088	7,703	8,809	12,061	13,553	49,214	Chưa đạt
-	Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	Tỷ đồng	100	10,963	97	139	201	124	94	655	Chưa đạt
8	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Nông thôn mới	%	15.38	40-50	26.5	35.9	44.4	51.28	56.4	56.4	Vượt
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI</b>										
9	Dân số trung bình	nghìn người		617.90	634.99	621.60	625.40	633.40	638.60	637.00	Đạt
10	Tỷ lệ tăng dân số	%	1.12	<1	1.10	0.98	0.76	0.85	0.95	0.95	Đạt
11	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	2.5	1.5-2	1.94	1.97	1.84	1.6	1.1	1.68	Đạt
12	Tạo việc làm mới bình quân hàng năm	người	11,297	47,500	10,600	11,782	11,318	14,012	11,103	58,815	Vượt

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu 2016-2020	Kết quả thực hiện						So với mục tiêu Nghị quyết 12/NQ-HĐND
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2016-2020	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, trong đó	%	43.50	65-70	46.13	49.57	54.43	60.27	65.88	65.88	Đạt
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	26.20	>28	27.05	28.00	29.10	30.00	31.00	31.00	Đạt
14	Tuổi thọ trung bình	tuổi	73	73	68.00	68.10	68.20	68.30	68.50	68.50	Không đạt
15	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	77,41	90	85.59	91.60	93.50	93.20	95.50	95.50	Vượt
16	Số thuê bao điện thoại/ 100 dân	Thuê bao		113	96	94	98.7	111	101	101	Không đạt
17	Số thuê bao internet băng thông rộng / 100 dân	Thuê bao		13	7.2	10.5	11.5	12.8	16.0	16.0	Vượt
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG</b>										
18	Tỷ lệ che phủ rừng			49.6	50.1	50.1	50.1	50.0	50.0	50.0	Đạt
19	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	87,4	93.0	90,0	91.5	93.4	94.7	90.80	90.80	Không đạt
20	Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch	%	86.0	95.0	88.0	90.5	92.0	95.0	95.0	95.00	Đạt
21	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0.0	100.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	Không đạt
22	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị	%	0.0	40.0	0.0	18.2	18.2	18.2	18.2	14.55	Không đạt
23	MỘT SỐ CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ	%	85.00	100	84.50	88.70	92.90	94.08	95.20	91.08	Không đạt
<b>B</b>	<b>PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC</b>										
1	Diện tích một số cây trồng chủ yếu										
-	Lúa chất lượng cao	Ha		18.000-20.000	32,000.00	33,573.50	34,294.60	35,525.10	39,000.00	34,878.64	Vượt
-	Cao su	Ha	19674.1	21.000-22.000	19,945.60	19,511.40	19,559.50	19,273.70	19,045.90	19,467.22	Không đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Mục tiêu 2016-2020	Kết quả thực hiện						So với mục tiêu Nghị quyết 12/NQ-HĐND
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2016-2020	
-	Cà phê	Ha	4675.4	5.300-5.500	5,349.20	5,109.80	4,905.30	4,878.20	4,433.05	4,935.11	Không đạt
-	Hồ tiêu	Ha	2390.5	2.500-2.700	2,448.00	2,520.10	2,505.10	2,435.60	2,526.79	2,487.12	Không đạt
-	Sắn	Ha	12740.9	12,000	12,999.30	12,295.00	11,884.30	11,728.60	12,010.70	12,183.58	Đạt
2	Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp	%	32.3	40.0	33.65	25.90	27.77	27.00	31.68	29.22	Không đạt
3	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	3364.0	3.800-4.000	3,262.00	3,317.50	3,260.00	3,450.00	3,421.40	3,421.40	Không đạt
4	Trồng rừng tập trung	Ha		5.000-5.500/năm	7,827.0	7,532.0	7,240.0	9,320.0	8,860.0	40,779.0	Vượt
5	Tốc độ tăng trưởng huy động vốn hàng năm	%		12-15						16.72	Vượt
6	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%		>95						99.2	Vượt
7	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%		<12							Vượt
	Suy dinh dưỡng nhẹ cân	%	7,3		5,4	5,3	5,4	6,3	4,6		Đạt
	Suy dinh dưỡng thấp còi	%	7,6		5,9	5,8	6,0	6,9	5,07		Đạt

PHỤ LỤC II

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 120 /BC-UBND ngày 08 /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Kế hoạch					Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>									
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	%	6.45	7.24	7.90	8.59	9.33	7,5-8		
-	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	3.49	3.20	3.30	3.40	3.60	3-3,5		
-	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%	10.47	11.50	12.50	13.50	14.50	12-13		
-	<i>Dịch vụ</i>	%	6.16	6.50	7.00	7.50	8.00	7-7,5		
-	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%								
2	Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành)	%	21.92	19.33	18.51	17.63	16.71	16.71		
-	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	25.45	27.56	28.71	29.99	31.39	31.39		
-	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%	48.24	48.46	48.03	47.53	46.93	46.93		
-	<i>Dịch vụ</i>	%	4.39	4.65	4.75	4.85	4.97	4.97		
-	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%								
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Gấp 1,5 lần năm 2015	64.01	70.83	78.82	88.24	85-90		
4	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	14,348	3,900	4,400	5,000	5,600	22,500		
-	<i>Thu nội địa tăng bình quân hàng năm</i>	%						10-12		
5	Xuất, nhập khẩu hàng hóa		14,105.0							
-	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	-	330.00	390.00	440.00	500.00	1,940.0		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Kế hoạch					Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
-	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu	%	-	12	18	18	13	14	15	
-	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	-	220.0	250.0	300.0	350.0	400.0	1,520.0	
-	Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu	%	-7.7	10	13.64	20	16.67	14.29	14.54	
6	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	70,869	22,000	22,900	24,500	26,300	28,000	123,700	
-	Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP	%	61	60	57	55	52	50	50	
7	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	56.4	62.4	66.3	69.3	72.3	75.2	75.2	
	Trong đó: đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	1.9	1.9	2.9	4.9	6.9	9.9	9.9	
8	Số doanh nghiệp thành lập mới	doanh nghiệp	1,734	450	250-350	270-370	290-390	310-410	1.500-2.000	
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>									
9	Dân số trung bình	nghìn người	637.00	640.0	643.3	646.3	649.3	652.0	652.5	
10	Tỷ lệ tăng dân số	%	<1	1.0	1.0	0.9	0.9	0.8	<1	
11	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1.68	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5	
12	Tạo việc làm mới bình quân mỗi năm	lao động	11,763	11,000	12,000	12,000	12,500	12,500	12,000	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65.88	68.50	70.27	72.66	75.16	77.77	75-80	
	Trong đó có bằng cấp chứng chỉ	%	31.0	32.0	32.5	33.0	33.5	34.0	>33	
14	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95.5	96.0	96.0	97.0	97.0	98	98	
15	Tuổi thọ trung bình	tuổi	68.3	68.6	69.0	69.3	69.7	70	70	





## PHỤ LỤC III

**DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
 (Kê hoạch theo Báo cáo số: 130 /BC-UBND ngày 08 /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
<b>I</b>	<b>CÔNG NGHIỆP ĐIỆN - NĂNG LƯỢNG</b>				
1	Nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp Quảng Trị	340 MW	57,500.00	FDI	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
2	Nhà máy điện khí tự nhiên BBG Quảng Trị	2.000 MW	50,600.00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
3	Trung tâm khí BB gas Hải Lăng, Quảng Trị	Trung tâm hóa khí, kho khí trên bờ (kho chứa khí LNG 360.000m <sup>3</sup> ; kho chứa khí LPG 60.000 tấn); kho nổi; cầu cảng (1,5km) và hệ thống kỹ thuật tiếp khí vào bờ	69,000.00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
4	Nhà máy điện khí tự nhiên BBG Hải Lăng	1.500MW	34,500.00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
5	Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng, Quảng Trị	4.500 MW	103,500.00	Liên doanh, IPP	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
6	Nhà máy điện khí LNG Hải Lăng 1, Quảng Trị	1.500 MW	39,100.00	Liên doanh, IPP	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
7	Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng, thiết bị năng lượng mới và năng lượng tái tạo	10.000 đến 100.000 tấn sp/năm	115-920	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, Tây Bắc Hồ Xá, KKT TM ĐB Lao Bảo
8	Điện gió Cam Tuyền 1	30	1,035.00	100% vốn nhà đầu tư	Cam tuyền
9	Điện gió Cam Tuyền 2	30	1,035.00	100% vốn nhà đầu tư	Cam tuyền
10	Điện gió Cam Tuyền 3	30	1,035.00	100% vốn nhà đầu tư	Cam tuyền

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
11	Điện gió Quảng Trị - Win 1	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Hướng Phùng, Hướng Linh, Hướng Tân
12	Điện gió Quảng Trị - Win 2	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Hướng Phùng, Hướng Linh, Hướng Tân
13	Điện gió Quảng Trị - Win 3	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Tân Hợp, Xã Húc
14	Điện gió Quảng Trị - Win 4	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Tân Hợp, Đakrông
15	Điện gió Quảng Trị - Win 5	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Đakrông, TT Kroong Kiang
16	Điện gió Quảng Trị - Win 6	48	1,656.00	100% vốn nhà đầu tư	Đakrông, TT Kroong Kiang
17	Điện gió Cam Lộ 1	49.5	1,707.75	100% vốn nhà đầu tư	Cam Thành, Cam Nghĩa
18	Điện gió Cam Lộ 2	49.5	1,707.75	100% vốn nhà đầu tư	Cam Thành, Cam Nghĩa
19	Điện gió Cam Lộ 3	49.5	1,707.75	100% vốn nhà đầu tư	Cam Thành, Cam Nghĩa
20	Điện gió Ba Tầng 3	50	1,725.00	100% vốn nhà đầu tư	Ba Tầng
<b>II</b>	<b>SẢN XUẤT - CHẾ BIẾN NÔNG NGHIỆP</b>				
1	Nhà máy chế biến thực phẩm cho tiêu dùng và xuất khẩu	50.000 tấn sản phẩm các loại/năm	115-345	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KCN Nam Đông Hà, KKT TM ĐB Lao Bảo, KKT Đông Nam
2	Nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát các loại	50 triệu lít sản phẩm các loại/năm	460-920	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam; KCN Quán Ngang, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KCN Nam Đông Hà; KKT TM ĐB Lao Bảo;

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
3	Nhà máy chế biến dầu ăn các loại	500.000 lít sản phẩm/năm	115-230	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo
4	Nhà máy sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn chăn nuôi, gia súc, gia cầm	10.000 tấn sản phẩm/năm	115-345	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá
5	Nhà máy chế biến thực phẩm nông sản	10.000 tấn sản phẩm/năm	115-230	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KKT TM ĐB Lao Bảo
6	Nhà máy chế biến thủy sản công nghệ cao và xuất khẩu	50.000 tấn sản phẩm/năm	115-345	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam
7	Xây dựng hệ thống tưới thông minh, tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây cà phê	hỗ trợ động nguồn nước tưới	230.00	FDI	Huyện Hướng Hóa
8	Dự án nuôi tôm công nghệ cao	150 ha	418.60	100% vốn DN	Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
<b>III</b>	<b>SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÔNG NGHIỆP</b>				
1	Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp, sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ	20.000 đến 50.000 m <sup>3</sup> /năm	1.150-2.300	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo, KKT Đông Nam
2	Nhà máy chế tạo, lắp ráp thiết bị, động cơ ô tô, xe máy, máy nông nghiệp; chế tạo, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp phụ trợ	Thiết bị, động cơ ô tô, xe máy, máy nông nghiệp, các sản phẩm công nghiệp phụ trợ: 200.000 sản phẩm/năm	115-1.150	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo
<b>IV</b>	<b>CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>				
1	Hệ thống xử lý nước thải	Tùy thuộc vào lượng nước thải của từng khu	115-460	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KKT Đông Nam
2	Đầu tư và kinh doanh CSHT khu kinh tế Đông Nam (giai đoạn 1)	Diện tích 1000 ha	4.600-5.060	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	KKT Đông Nam

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
3	Dự án kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo	Diện tích 365 ha	2.300-2.760	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM ĐB Lao Bảo
4	Xây dựng kho ngoại quan, trung tâm Logistic	Khoảng 10 đến 20 ha	115-345	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam; KKT TM ĐB Lao Bảo, Cửa khẩu quốc tế La Lay
5	Tổng kho xăng dầu phía nam		230-460	100% vốn nhà đầu tư	Khu vực Nam Cửa Việt, KKT Đông Nam
6	Cảng hàng không, sân bay Quảng Trị	Diện tích sử dụng đất: 594,78ha; Sân bay dân dụng tiêu chuẩn cấp 4C, kết hợp sân bay quân sự cấp II với 1 đường băng cát, hạ cánh dài 2.400 - 3.000m đáp ứng cho tàu bay A320, A321 và các tàu bay quân sự	7.994 (giai đoạn 2020: 5.508; Giai đoạn 2030: 2.486)	Đối tác công tư PPP	KKT Đông Nam (Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị)
7	Khu bến cảng chuyên dùng Nam Cửa Việt	Diện tích: 18,81 ha 05 cầu cảng, tải trọng tàu đến 5.000 tấn	115-230	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam (Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị)
8	Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Tây Gio Linh	Đạt sinh hoạt cho hơn 5.300 người	184.00	FDI	Các xã: Gio An, Gio Bình, Gio Sơn, Trung Sơn, Trung Hải huyện Gio Linh
9	Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Đông Triệu Phong	Đạt sinh hoạt cho 11.000 người	230.00	FDI	Các xã: Triệu Ái, Triệu Long, Triệu Giang, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Phước, Triệu An, Triệu Văn, huyện Triệu Phong
10	Xây dựng hệ thống tưới cho các vùng quy hoạch công nghệ cao	Đạt sinh hoạt cho hơn 11.000 người	115.00	FDI	Các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh
11	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt	Diện tích 4,15ha	148.35	PPP	Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
12	Nâng cấp Ga Đông Hà và chủ trương xã hội hóa trong việc đầu tư kho bãi, vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt	Nâng cấp mở rộng hạ tầng đường sắt kết hợp với trung tâm đô thị, thương mại để tăng diện tích	118.68	PPP	Tp Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
13	Quốc lộ 15D đoạn từ đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn đến đường HỒ Chí Minh nhánh tây	Dài khoảng 34km, quy mô đường cấp IV miền núi, nền đường rộng 7,5m; mặt đường rộng 5,5m; TMDT 1,790 tỷ đồng	1,840.00	PPP	Các huyện: Hải Lăng, Đakrông, tỉnh Quảng Trị
14	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	70km	7,700.00	PPP	Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa
15	Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn từ Vạn Ninh (Quảng Bình) đến Cam Lộ (Quảng Trị)	80km	7,000.00	PPP	Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh
16	Khu đô thị hai bên đường Thuận Châu	16ha	138.00	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường Đông Lương
17	Khu đô thị phía Đông Thành phố Đông Hà	110ha	890.10	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 2, Phường Đông Lễ, Tp Đông Hà
18	Khu đô thị hai bên đường nối Phường 2, Đông Lương, Đông Lễ	25ha	124.66	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 2, Phường ĐÔNG Lương, Phường Đông Lễ, Tp Đông Hà
19	Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Đông Hà	10ha	126.50	Kêu gọi nhà đầu tư	Phường Đông Lương, Tp Đông Hà
20	Khu công nghiệp BBG Hải Lăng	1.000ha		100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam
<b>V</b>	<b>DỊCH VỤ - GIÁO DỤC - Y TẾ VÀ DU LỊCH</b>				
1	Sân golf	Diện tích khoảng 10 đến 50 ha	115-690	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam
2	Khu dịch vụ – du lịch Làng Vây	Diện tích 10 - 20 ha	230-460	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM DB Lao Bảo
3	Cơ sở giáo dục, đào tạo nghề tổng hợp	Đào tạo nghề cho 20.000 lao động	115-460	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM DB Lao Bảo, KKT Đông Nam

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
4	Khách sạn, du lịch, dịch vụ, khu nghỉ dưỡng	Tùy theo khả năng của nhà đầu tư và nhu cầu của thị trường	115-690	100% vốn nhà đầu tư	Khu Dịch vụ Du lịch thuộc KKT Đông Nam
5	Khai thác du lịch suối Tà Đủ, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa	Khai thác tiềm năng du lịch, dịch vụ, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng và phát triển điểm du lịch Tà Đủ trở thành điểm vui chơi, giải trí du lịch trọng điểm của huyện.	100.00	xã hội hóa	xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa
6	Khai thác tiềm năng phát triển du lịch xã Hướng Việt	Khai thác tiềm năng du lịch, dịch vụ, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Kêu gọi DN đầu tư khai thác dịch vụ du lịch trên cơ sở tài nguyên sẵn có: Hệ thống hang động, thác nước	120.00	xã hội hóa	xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa
7	Thu hút đầu tư vào bãi tắm Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	6,5 ha	690,000.00	NSNN + xã hội hóa	Thị trấn Bến Quan
8	Xây dựng khu du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp, chất lượng cao		100.00	100% vốn nhà đầu tư	Phía Đông Nam huyện đảo Côn Cò
9	Công viên Hồ Trung Chi	55ha	129.72	100% vốn nhà đầu tư	Phường Đông Lương, Tp Đông Hà
10	Công viên Hồ Khe Máy	65ha	149.50	100% vốn nhà đầu tư	Phường 3, Tp Đông Hà
11	Dự án Chợ và Khu phố chợ Phường 5	3ha	246.33	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 5, Tp Đông Hà

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
12	Khu dịch vụ - du lịch Vĩnh Thái	137ha: - Khu dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp: 55ha - Khu dịch vụ tổng hợp du lịch: 18ha - Khu dịch vụ du lịch phổ thông: 27ha - Khu đô thị du lịch mới 37ha	3,243.00	Vốn nhà đầu tư	Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh
13	Khu dịch vụ du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt - Vĩnh Mốc	187ha: - Khu DV-DL tổng hợp Gio Hải: 20ha - Khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Giang Hải: 42ha - Khu DV-DL Cang Gián: 45ha - Khu DV-DL tổng hợp Thủy Bạt: 25ha - Khu DV-DL Cửa Tùng - Vịnh Mốc: 100ha	3,910.00	Vốn nhà đầu tư	Xã Gio Hải, huyện Gio Linh; Xã Trung Giang và Gio Hải, huyện Gio Linh; Xã Trung Giang, huyện Gio Linh; Xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh
14	CSHT du lịch đảo Cồn Cỏ	50ha: - Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp biển đảo 50ha; - Dịch vụ du lịch: vận tải khách du lịch bằng đường biển, đường hàng không; thể thao biển, lặn biển; - Hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước	1,150.00	Vốn nhà đầu tư	huyện đảo Cồn Cỏ



TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
15	Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh	Khu vui chơi giải trí, ngắm cảnh, dịch vụ du lịch; bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái quy mô 200ha	460.00	Vốn nhà đầu tư	Xã Vĩnh Hiền, Vĩnh Hoàn, huyện Vĩnh Linh
16	Khu du lịch sinh thái suối nước nóng Klu	Khu du lịch tổng hợp 7,5ha	220.00	Vốn nhà đầu tư	Xã Đakrông, huyện Đakrông
17	Khu dịch vụ - du lịch sinh thái biển Mỹ Thủy	Xây dựng CSHT kỹ thuật, khu nghỉ dưỡng hiện đại; Khu dịch vụ du lịch cộng đồng khoảng 100ha	1,150.00	Vốn nhà đầu tư	Xã Hải An, huyện Hải Lăng
18	Công viên Thống Nhất tại Khu di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải	50ha	350.00	Vốn nhà đầu tư	Di tích quốc gia đặc biệt Đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải
19	Khu tổ hợp du lịch - dịch vụ - đô thị và sân Golf Cam Lộ	316 ha		Vốn nhà đầu tư	Cam Lộ
20	Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	1,4 ha		Vốn nhà đầu tư	Đông Hà
<b>VI</b>	<b>THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG</b>				
1	Xây dựng Nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử, viễn thông kỹ thuật số	1000 sản phẩm/năm	115.00	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, Gio Linh; KKT Đông Nam